TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/04/2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Triết Văn.

2. Bà Trương Thị Phiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim A** - Sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Tuấn T** - Sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện CL, tỉnh BT. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 8/4/2020 nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Kim A) có đơn xin giải quyết vắng mặt, nhưng tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 27/12/2019 bà A trình bày:

Vào ngày 24/03/2003, bà A với ông T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 21/6/2004. Sau khi kết hôn bà A với ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi làm ăn xa và có người khác bên ngoài bà A đã khuyên nhiều lần

nhưng vẫn không thay đổi, nên bà A đã sống ly thân với ông T từ 03 năm nay mà không hàn gắn được. Từ khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống không ai quan tâm ai, ông T cũng không có trao đổi gì nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng. Khi bà A hỏi thì ông T cho rằng ông đi làm ăn xa không về được Tòa giải quyết sao thì giải quyết ông không có ý kiến. Vì vậy, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung tên Đinh Quốc H, sinh ngày 11/7/2004 hiện đang sống với ông T. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu con theo ai người đó nuôi, người không nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

Còn đối với bị đơn là ông T thì mặc dù nhiều lần được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do, còn bà A thì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà A với ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1]. Hội đồng xét xử xét thấy, do mâu thuẫn gia đình, bà Nguyễn Thị Kim A có đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Đinh Tuấn T nên đây là vụ kiện: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đinh Tuấn T hiện đang cư trú tại ấp A, xã L, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, còn ông T thì nhiều lần được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét thấy, hôn nhân của bà A với ông T là tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 21/6/2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét quan hệ hôn nhân của bà A và ông T đã có sự phát sinh mâu thuẫn, bởi từ khi thụ lý vụ việc Tòa án đã nhiều lần mời ông bà đến để tiến hành hòa giải, động viên, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không lý do, chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã có sự rạn nứt và ông T không hề quan tâm gì đến việc hôn nhân của ông bà. Điều đó càng chứng minh rõ hơn tại biên bản xác minh ngày 12/02/2020 chính mẹ ruột của ông T là bà Dương Thị M cho rằng ông T nói với bà là Tòa giải quyết sao thì giải quyết ông không có ý kiến. Mặc khác, thời gian sống ly thân của ông bà khá lâu mà ông bà không hàn gắn được, cho thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở để chấp nhận.

Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: theo biên bản xác minh ngày 12/02/2020 thì bà M mẹ ruột của ông T cho rằng ông T muốn được trực tiếp nuôi con chung của ông với bà A, nhưng đó là ý kiến của bà M chứ ông T không hề có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con. Tuy nhiên, tại biên bản hỏi ý kiến của con từ 7 tuổi trở lên ngày 27/12/2019 thì nguyện vọng của cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 11/7/2004 là muốn sống với mẹ, hơn nữa hiện tại cháu H đã học lớp 11 thì cháu H cũng ý thức được ý kiến nguyện vọng của mình. Từ đó, cho thấy yêu cầu của bà A về con chung và nguyện vọng của cháu H là có căn cứ để chấp nhận.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, bà A không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Từ các căn cứ trên xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí*:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, buộc bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Đinh Tuấn T. Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà A được quyền trực tiếp nuôi người con chung giữa ông Đinh Tuấn T với bà Nguyễn Thị Kim A là cháu Đinh Quốc H, sinh ngày 11/7/2004, bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà A và ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà A tự thỏa thuận phân chia tài sản chung với ông T, bà A không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà A nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0006916 ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT được chuyển sang án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà A, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- UBND xã L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ THỊ THÚY HẰNG